

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số điểm cụ thể về quản lý quy hoạch,
quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng
công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ - CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ - CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ - CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ - CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 111/2006/NĐ - CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ - CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 16/2005/NĐ - CP ngày 07/02/2005;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT - BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ - CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ - CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 40/TTr - SXD ngày 25/05/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này bản quy định một số điểm cụ thể về quản lý quy hoạch, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giao cho Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và các sở có xây dựng chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 08/2006/QĐ - UBND ngày 10/02/2006 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định cụ thể về quản lý quy hoạch, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
(đã ký)
Nguyễn Hữu Vạn**

QUY ĐỊNH

Một số điểm cụ thể về quản lý quy hoạch, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Kèm theo Quyết định số: 24/2007/QĐ - UBND ngày 05 tháng 6 năm 2007
của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bản Quy định này quy định một số điểm cụ thể về quản lý quy hoạch, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Quy định này thực hiện cùng các quy định của Luật Xây dựng, Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư, Nghị định số 209/2004/NĐ - CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định số 08/2005/NĐ - CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng, Nghị định số 16/2005/NĐ - CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 111/2006/NĐ - CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đầu thầu và lựa chọn nhà thầu, Nghị định số 112/2006/NĐ - CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 16/2005/NĐ - CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ, Nghị định số 108/2006/NĐ - CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đầu tư, Nghị định 179/2004/NĐ - CP ngày 21/3/2004 của Chính phủ quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 209/2004/NĐ - CP; Nghị định số 08/2005/NĐ - CP; Nghị định số 16/2005/NĐ - CP; Nghị số 111/2006/NĐ - CP; Nghị định số 112/2006/NĐ - CP; Nghị định số 108/2006/NĐ - CP) và các văn bản pháp luật khác có liên quan, trừ các trường hợp có quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho tất cả các cơ quan Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây gọi chung là tổ chức), cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Chương II QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 3. Thẩm quyền phê duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng

1. UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung xây dựng đô thị loại 3, loại 4, loại 5 và tương đương; quy hoạch chung các trung tâm huyện lỵ, các thị trấn, thị tứ, các trung tâm xã, cụm xã, các điểm dân cư tập trung trên các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ thuộc địa giới hành chính tỉnh Lào Cai và phê duyệt quy hoạch chi tiết các phường thuộc thành phố Lào Cai, các trung tâm huyện lỵ và thị trấn Tằng Loỏng (huyện Bảo Thắng), các khu chức năng đặc thù khác gồm các khu du lịch, di sản, bảo tồn, công nghiệp địa phương, các khu kinh tế, khu vui chơi giải trí.

2. UBND các huyện, thành phố Lào Cai phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch chi tiết các trung tâm xã, cụm xã, thị trấn, thị tứ và quy hoạch các điểm dân cư nông thôn.

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng

1. Sở Xây dựng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

2. Các sở có xây dựng chuyên ngành tổ chức thẩm định đồ án quy hoạch phát triển theo chuyên ngành. Sau khi thẩm định xong gửi kết quả về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Phòng Hạ tầng - Kinh tế các huyện, phòng Quản lý đô thị thành phố Lào Cai thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng và thiết kế, dự toán đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND huyện, thành phố;

Trường hợp phòng Hạ tầng - Kinh tế các huyện, phòng quản lý đô thị thành phố Lào Cai không đủ điều kiện năng lực để thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng thì UBND huyện, thành phố Lào Cai được phép thuê các tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra.

Điều 5. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng

1. Đối với Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh:

a) Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận và cung cấp các thông tin về quy hoạch gồm: Địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng và các thông tin khác có liên quan đến quy hoạch xây dựng cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu (trừ nhà ở riêng lẻ của dân cư, các công trình thuộc các khu công nghiệp, Khu thương mại Kim Thành);

b) Phòng Hạ tầng - Kinh tế các huyện, phòng Quản lý đô thị thành phố Lào Cai có trách nhiệm cung cấp các thông tin về quy hoạch xây dựng cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu về xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ;

2. Đối với quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND huyện, thành phố: Phòng Hạ tầng - Kinh tế các huyện, phòng Quản lý đô thị thành phố Lào Cai có trách nhiệm tiếp nhận và cung cấp các thông tin về quy hoạch xây dựng (gồm: Địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng, chứng chỉ quy hoạch xây dựng và các thông tin khác liên quan đến quy hoạch xây dựng) cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Điều 6. Lập kế hoạch quy hoạch xây dựng

1. Hàng năm các sở chuyên ngành có trách nhiệm lập và trình kế hoạch chuẩn bị đầu tư quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

2. Phòng Hạ tầng - Kinh tế các huyện và phòng Quản lý đô thị thành phố Lào Cai có trách nhiệm lập và trình kế hoạch chuẩn bị đầu tư quy hoạch xây dựng chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện, thành phố.

Chương III DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 7. Lập Dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Các công trình xây dựng đều phải lập dự án đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (trừ các công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ) và đảm bảo các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch xây dựng;
- b) Có phương án thiết kế kỹ thuật, phương án công nghệ phù hợp an toàn trong thi công xây dựng, vận hành và khai thác sử dụng công trình;
- c) Đảm bảo an toàn trong công tác phòng, chống cháy nổ;
- d) Bảo vệ được môi trường sinh thái;
- e) Đảm bảo tính hiệu quả kinh tế - xã hội của các Dự án.

2. Trước khi lập dự án hoặc lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, chủ đầu tư phải lập nhiệm vụ thiết kế và trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Quy định này phê duyệt đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

a) Nội dung lập nhiệm vụ thiết kế bao gồm:

Sự cần thiết phải đầu tư xây dựng công trình; các điều kiện thuận lợi, khó khăn khi xây dựng công trình; chế độ khai thác và sử dụng tài nguyên (nếu có); dự kiến quy mô đầu tư; công suất; diện tích xây dựng; địa điểm xây dựng; nhu cầu sử dụng đất; các hạng mục công trình chính, công trình phụ; bản vẽ sơ bộ tổng mặt bằng; bản vẽ mặt bằng, mặt đứng và các mặt cắt điển hình; phương án đầu tư (đề xuất ít nhất 2 phương án); phân tích lựa chọn sơ bộ về công nghệ, kỹ thuật; điều kiện cung cấp vật tư thiết bị, nguyên liệu, năng lượng, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật; ảnh hưởng của Dự án đến môi trường; sơ bộ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có); hình thức đầu tư; sơ bộ tổng mức đầu tư; thời gian thực hiện Dự án; phân kỳ đầu tư; hiệu quả kinh tế của Dự án; phương án huy động vốn;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở có xây dựng chuyên ngành thẩm định nhiệm vụ thiết kế và trình UBND tỉnh phê duyệt;

c) UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng và các sở có xây dựng chuyên ngành thống nhất nhiệm vụ thiết kế đối với các Dự án chỉ phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

d) Phòng Kế hoạch - Tài chính các huyện, thành phố Lào Cai chủ trì phối hợp với phòng Hạ tầng - Kinh tế, phòng Kinh tế, phòng quản lý đô thị thẩm định nhiệm vụ thiết kế trình UBND huyện, thành phố phê duyệt đối với các Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND huyện, thành phố;

e) Chủ đầu tư gửi nhiệm vụ thiết kế đến cơ quan chủ trì thẩm định quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều này để thẩm định;

f) Thời gian thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Các dự án sử dụng vốn nhà nước để kinh doanh và các dự án sử dụng nguồn vốn khác không phải lập nhiệm vụ thiết kế nhưng phải có giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của Luật đầu tư.

4. Các công trình sau đây không phải lập Dự án mà chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

a) Công trình xây dựng cho mục đích tôn giáo;

b) Công trình cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới trụ sở cơ quan, các công trình hạ tầng xã hội (gồm y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên, mặt nước), các công trình hạ tầng kỹ thuật (công trình giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, xử lý các chất thải, bãi đỗ xe) phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, đã có chủ trương đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 03 (ba) tỷ đồng.

5. Dự án đầu tư xây dựng gồm 02 phần: Thuyết minh và thiết kế cơ sở.

a) Nội dung phần thuyết minh thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 16/2005/NĐ - CP;

b) Nội dung thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ - CP.

Điều 8. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước:

Thẩm quyền thẩm định Dự án đầu tư xây dựng công trình được quy định như sau:

a) Sở Công nghiệp tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các Dự án đầu tư xây dựng công trình hầm mỏ, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, luyện kim và các công trình công nghiệp chuyên ngành (trừ công trình công nghiệp vật liệu xây dựng);

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các Dự án đầu tư xây dựng công trình thuỷ lợi, đê điều, cấp nước sinh hoạt nông thôn;

c) Sở Giao thông vận tải tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ đường phố);

d) Sở Xây dựng tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, các công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị (đường phố, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, xử lý các chất thải, công viên cây xanh, nghĩa trang, bãi đỗ xe trong đô thị) và các Dự án đầu tư xây dựng khác do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu;

d) Trường hợp Dự án đầu tư xây dựng liên quan đến nhiều ngành thì cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở là sở có chức năng quản lý Nhà nước về ngành có yếu tố quyết định tính chất, mục tiêu của Dự án, chịu trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan;

e) Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ để thẩm định phần thuyết minh của Dự án đầu tư xây dựng công trình đồng thời tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của các sở ngành UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác:

a) Chủ đầu tư tự thẩm định phần thuyết minh của dự án;

b) Đối với các dự án sử dụng vốn tín dụng thì tổ chức cho vay vốn thẩm định phương án tài chính và phương án trả nợ để chấp thuận cho vay hoặc không cho vay;

c) Các sở quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 điều này thẩm định phần thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 9. Hồ sơ trình duyệt và trình tự thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Hồ sơ trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình gồm: Tờ trình xin phê duyệt dự án của chủ đầu tư, hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình, các văn bản pháp lý có liên quan và nhiệm vụ thiết kế đã được duyệt hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cấp có thẩm quyền đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác và vốn nhà nước đầu tư để kinh doanh.

2. Trình tự thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình:

a) Đối với các Dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh thì chủ đầu tư gửi hồ sơ Dự án đến cơ quan đầu mối là Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm nhận và gửi hồ sơ dự án (bao gồm cả phần thuyết minh và phần thiết kế cơ sở) đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, khoản 1 Điều 8 để thẩm định thiết kế cơ sở và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về những nội dung liên quan đến dự án. Các cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm tổ chức thẩm định và gửi kết quả thẩm định thiết kế cơ sở tới Sở Kế hoạch và Đầu tư đảm bảo thời gian quy định tại khoản 3 điều này.

b) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác: Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 8 của quy định này để thẩm định thiết kế cơ sở và đến nhận kết quả thẩm định theo thời gian quy định sau đó tự tổ chức thẩm định phần thuyết minh và phê duyệt.

3. Thời gian thẩm định dự án: Không quá 40 ngày làm việc đối với dự án nhóm A; 30 ngày nhóm B; 20 ngày nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B; 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C.

Điều 10: Nội dung thẩm định Dự án đầu tư xây dựng công trình

Thẩm định Dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm thẩm định phần thuyết minh và thẩm định thiết kế cơ sở của Dự án.

1. Nội dung thẩm định phần thuyết minh thực hiện theo quy định tại điểm 1 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ - CP.

2. Nội dung thẩm định phần thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại điểm 2 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ - CP.

Điều 11: Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư tự tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Luật Xây dựng.

2. Đối với các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND tỉnh:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý về quy hoạch, nếu liên quan đến môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh, quốc phòng thì phải lấy ý kiến của các cơ quan quản lý Nhà nước về các lĩnh vực này và tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình sau đó gửi hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật kèm theo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp thẩm tra hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp cần thiết Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ gửi xin ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan;

b) Nội dung thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gồm: Sự phù hợp với nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt, sự cần thiết đầu tư, các yếu tố đầu vào, quy mô, công suất, công nghệ, thời gian, tiến độ thực hiện, phân tích tài chính, hiệu quả về kinh tế - xã hội, khả năng huy động vốn để đáp ứng tiến độ, khả năng hoàn trả vốn vay, khả năng giải phóng mặt bằng, kiểm tra kết quả thẩm định kèm theo kết quả thẩm tra (nếu có) thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

3. Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp huyện:

a) Chủ đầu tư lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch có thẩm quyền, ý kiến của các cơ quan quản lý về các lĩnh vực môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh, quốc phòng (nếu có) và tự tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán sau đó gửi hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật kèm theo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán tới phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện để thẩm định, trình UBND huyện, thành phố phê duyệt;

b) Nội dung thẩm định: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 điều này.

4. Đối với các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng nguồn vốn khác:

Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch, nếu liên quan đến các vấn đề về phòng chống cháy nổ, tác động môi trường, an ninh, quốc phòng thì phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý về những lĩnh vực này.

5. Hồ sơ chủ đầu tư gửi cơ quan thẩm định, trình phê duyệt gồm 04 bộ và thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Mục IV, Phần I của Thông tư số 02/2007/TT - BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng.

Hồ sơ sau khi được thẩm định phải có chữ ký, đóng dấu xác nhận đã thẩm định của cơ quan thẩm định và gửi trả lại chủ đầu tư 02 (hai) bộ để làm cơ sở thực hiện.

6. Chủ đầu tư được phép thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 14 của quy định này để thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán.

7. Thời gian thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thời gian cho ý kiến của các cơ quan khác có liên quan không quá 10 ngày làm việc.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình

1. Các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh Lào Cai (riêng đối với dự án nhóm A phải được Chính phủ cho phép đầu tư);

b) Chủ tịch UBND các huyện được quyết định đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư dưới 1,5 (một phẩy năm) tỷ đồng. Riêng Chủ tịch UBND thành phố Lào Cai được quyết định đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư dưới 02 (hai) tỷ đồng;

c) Tùy từng điều kiện cụ thể, Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã được quyết định đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư dưới 500 (năm trăm) triệu đồng.

2. Các dự án sử dụng nguồn vốn khác: Chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm sau khi có kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan thẩm định quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 của quy định này.

3. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chỉ được quyết định đầu tư khi đã có kết quả thẩm định dự án của các cơ quan quy định tại Điều 8 của quy định này.

Điều 13. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, tổng dự toán công trình

1. Các công trình phải lập dự án: Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán công trình nhưng không được trái thiết kế cơ sở đã được phê duyệt.

2. Các công trình chỉ phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Chủ đầu tư tự phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán sau khi Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được phê duyệt.

3. Hồ sơ thiết kế, dự toán sau khi phê duyệt phải được chủ đầu tư ký, đóng dấu xác nhận cho từng bản vẽ.

4. Các tổ chức và người thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định, phê duyệt của mình.

Điều 14. Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán, tổng dự toán công trình

1. Tổ chức tư vấn thực hiện công tác thẩm tra thiết kế, dự toán, tổng dự toán các công trình nhóm A, B, C phải có năng lực như năng lực của tổ chức tư vấn lập dự án quy định tại khoản 1 Điều 54 hoặc như năng lực của tổ chức tư vấn quản lý dự án quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định số 16/2005/NĐ - CP.

2. Giám đốc đơn vị tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng phải có đủ điều kiện, năng lực như Giám đốc tư vấn quản lý dự án quy định tại Điều 55 Nghị định số 16/2005/NĐ - CP.

3. Người thẩm tra thiết kế, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng phải có trình độ đại học chuyên ngành xây dựng phù hợp với công trình, có thời gian công tác tối thiểu 03 năm trong lĩnh vực thẩm định Dự án đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế - dự toán; thiết kế công trình; quản lý dự án; thi công công trình cùng loại.

4. Tổ chức tư vấn thiết kế công trình không được thẩm tra thiết kế, dự toán, tổng dự toán các công trình do mình thiết kế.

Điều 15. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được quyết định đầu tư chỉ được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, lở đất; địch hoạ hoặc các sự kiện bất thường khác;

b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

c) Khi quy hoạch xây dựng đã được duyệt thay đổi có ảnh hưởng trực tiếp đến địa điểm, quy mô, tính chất, mục tiêu của dự án;

d) Các gói thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu có điều chỉnh giá.

2. Người quyết định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 16. Cấp giấy phép xây dựng công trình

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có Giấy phép xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp các công trình không phải cấp giấy phép xây dựng được quy định tại khoản 2 Mục I Phần II Thông tư số 02/2007/TT - BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng.

2. Thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng công trình được quy định như sau:

a) UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho các công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I (theo phân cấp công trình tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 209/2004/NĐ - CP), công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, quảng cáo, tranh hoành tráng, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lào Cai và tất cả các công trình xây dựng phải cấp phép xây dựng không phải là nhà ở riêng lẻ bên các tuyến đường quốc lộ; tỉnh lộ; các đường phố có mặt cắt ngang lớn hơn hoặc bằng 12m thuộc thành phố Lào Cai, trung tâm các huyện lỵ và thị trấn Tǎng Loỏng;

b) UBND các huyện, thành phố cấp giấy phép xây dựng các công trình nhà ở riêng lẻ ở đô thị và các công trình theo quy định phải cấp phép xây dựng bên các đường phố có mặt cắt ngang nhỏ hơn 12m thuộc thành phố Lào Cai, trung tâm các huyện lỵ, thị trấn Tǎng LoỎng và các công trình xây dựng trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc địa giới hành chính do huyện,

thành phố quản lý, trừ các công trình quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 điều này;

c) UBND các xã, phường, thị trấn cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ ở các điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt;

d) Người cấp giấy phép xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cấp giấy phép của mình.

Điều 17. Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng.

1. Tất cả các công trình xây dựng (trừ nhà ở riêng lẻ của dân) tuỳ theo tính chất, quy mô đều phải thực hiện đấu thầu hoặc chỉ định thầu theo quy định tại các Điều 3, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu trúng thầu là nhà thầu được đánh giá đạt yêu cầu cao nhất về kỹ thuật theo quy định, có giá thầu hợp lý đem lại hiệu quả cao nhất cho dự án nhưng không được cao hơn giá gói thầu đã được phê duyệt; trường hợp giá dự thầu sau khi sửa lỗi số học và hiệu chỉnh sai lệch đều cao hơn giá gói thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì chủ đầu tư phải xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền cho phép chào lại giá hoặc đấu thầu lại.

3. Nghiêm cấm nhà thầu giao một phần hoặc toàn bộ công việc của hợp đồng thi công cho nhà thầu phụ không có tên trong hồ sơ dự thầu. Trong trường hợp liên doanh, nhà thầu phụ phải có đủ năng lực hoạt động, hành nghề xây dựng theo quy định phù hợp với phần việc đảm nhận và được chủ đầu tư xây dựng công trình chấp nhận; khối lượng công việc do các nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá 30% khối lượng công việc của hợp đồng và thầu phụ không được giao toàn bộ phần việc cho nhà thầu khác.

4. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu, kết quả đấu thầu với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đấu thầu, kết quả đấu thầu, chỉ định thầu các gói thầu tư vấn và trình UBND tỉnh phê duyệt đối với các công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố Lào Cai thẩm định kế hoạch đấu thầu, kết quả đấu thầu, chỉ định thầu các gói thầu tư vấn và trình UBND huyện, thành phố phê duyệt đối với các công trình do Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định đầu tư;

c) Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu (đối với trường hợp đấu thầu hạn chế), thành lập tổ chuyên gia đấu thầu, phê duyệt danh sách các nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và danh sách xếp hạng nhà thầu. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu và kết quả trúng thầu;

d) Chủ đầu tư tự phê duyệt kết quả chỉ định thầu đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 20 của Luật Đấu thầu; kết quả chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu dưới 500 (năm trăm) triệu đồng;

đ) Người thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định, phê duyệt của mình.

5. Đối với các Dự án không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thì chủ đầu tư tự thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu và các nội dung của quá trình đấu thầu hoặc chỉ định thầu của tất cả các gói thầu thuộc dự án.

6. Việc đấu thầu chỉ được thực hiện khi dự án đã được người quyết định đầu tư phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Chủ đầu tư chỉ được ký hợp đồng thực thi dự án khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu hoặc quyết định chỉ định thầu và đã có mặt bằng được đền bù giải phóng một phần hoặc toàn bộ dự án.

Điều 18, Điều kiện khởi công công trình

Công trình chỉ được khởi công xây dựng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Đã có đầy đủ các thủ tục về hồ sơ dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật thi công, dự toán, tổng dự toán, hồ sơ trúng thầu và hợp đồng xây lắp.

2. Về nguồn vốn: Phải đảm bảo cân đối đủ vốn để thi công hoàn thành trong thời hạn 02 (hai) năm đối với các công trình nhóm C; đảm bảo cân đối đủ vốn để thi công trong thời hạn 04 (bốn) năm đối với công trình nhóm B.

3. Về mặt bằng: Phải đảm bảo có đủ toàn bộ mặt bằng hoặc từng phần đã được giải phóng đủ điều kiện để triển khai thi công.

Điều 19. Tạm ứng, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

Thực hiện theo quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 43 Nghị định số 16/2005/NĐ - CP, khoản 14 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ - CP và các quy định, hướng dẫn hiện hành của các Bộ, ngành có liên quan.

Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán được phân cấp như sau:

1. Sở Tài chính thẩm tra và trình UBND tỉnh duyệt quyết toán đối với các công trình nhóm A, B, C do UBND tỉnh quyết định đầu tư.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện và thành phố thẩm tra báo cáo quyết toán trình UBND huyện, thành phố phê duyệt đối với các công trình do UBND huyện, thành phố quyết định đầu tư.

Điều 20. Chủ đầu tư xây dựng công trình và hình thức quản lý dự án

1. Chủ đầu tư xây dựng công trình:

a) Các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan cấp Bộ, Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư thì chủ đầu tư là đơn vị quản lý, sử dụng công trình; các dự án sử dụng vốn tín dụng thì người vay vốn là chủ đầu tư; các dự án sử dụng vốn khác thì chủ đầu tư là chủ sở hữu vốn hoặc là người đại diện theo quy định của pháp luật; các dự án sử dụng vốn hỗn hợp thì chủ đầu tư do các thành viên góp vốn thoả thuận cử ra hoặc là người có tỷ lệ góp vốn cao nhất;

b) Trường hợp đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện để làm chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư giao cho đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư xây dựng công trình. Đơn vị quản lý, sử dụng công trình phải có văn bản cử người của mình cùng tham gia công tác quản lý dự án kể từ khi lập dự án đến khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng;

Trường hợp chưa xác định được đơn vị quản lý, sử dụng công trình thì người quyết định đầu tư giao cho đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư xây dựng công trình.

c) Trách nhiệm của chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Mục III Phần III của Thông tư số 02/2007/TT - BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng.

2. Hình thức quản lý dự án:

Khi quyết định đầu tư, người quyết định đầu tư phải căn cứ vào quy mô công trình, điều kiện năng lực cụ thể của chủ đầu tư để quyết định hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án hoặc chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

a) Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 01 (một) tỷ đồng trở lên thì phải thành lập Ban quản lý dự án (sau đây viết tắt là Ban QLDA). Ban QLDA do chủ đầu tư quyết định thành lập khi có dự án, có tư cách pháp nhân hoặc sử dụng tư cách pháp nhân của chủ đầu tư để thực hiện quản lý dự án. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban QLDA do chủ đầu tư giao trong quyết định thành lập. Ban QLDA giải thể sau khi công trình hoàn thành (bằng Quyết định của cơ quan đã ra quyết định thành lập);

b) Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án có quy mô nhỏ, đơn giản có tổng mức đầu tư dưới 01 (một) tỷ đồng thì không nhất thiết phải thành lập Ban QLDA nhưng phải có các cán bộ có chuyên môn phù hợp để quản lý dự án hoặc thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm và có chứng chỉ hành nghề (đối với công việc giám sát, quản lý kỹ thuật) để giúp quản lý dự án;

c) Trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện để thành lập Ban QLDA thì phải thuê tư vấn quản lý dự án có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại khoản 1 Điều 55, Điều 56 của Nghị định số 16/2005/NĐ - CP và có lĩnh vực hoạt động phù hợp với loại dự án đầu tư xây dựng. Chủ đầu tư phải trực tiếp quản lý vốn đầu tư xây dựng công trình;

d) Nhà thầu tư vấn quản lý dự án được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn khác có đủ điều kiện năng lực, có Chứng chỉ hành nghề (đối với công việc giám sát, quản lý kỹ thuật) phù hợp với nhiệm vụ đã ký trong hợp đồng với chủ đầu tư để tham gia một số phần việc quản lý dự án và phải được chủ đầu tư chấp thuận;

d) Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ tư vấn trực tiếp quản lý dự án tại công trường do nhà thầu tư vấn giao bằng văn bản và phải được gửi cho chủ đầu tư.

Điều 21. Điều kiện, năng lực của Ban quản lý dự án, tư vấn quản lý dự án

1. Ban QLDA do chủ đầu tư thành lập trong trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án phải đảm bảo các điều kiện, năng lực sau đây:

a) Cơ cấu tổ chức của Ban QLDA gồm có: Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu cần thiết) và các thành viên làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp đáp ứng với từng yêu cầu công việc của công tác quản lý dự án;

b) Trưởng Ban QLDA phải có trình độ đại học (cao đẳng hoặc trung cấp đối với các dự án nhóm C ở vùng cao) thuộc chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của dự án và đủ điều kiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 16/2005/NĐ - CP;

c) Các Phó Trưởng ban (nếu có) và những người phụ trách về kỹ thuật, kinh tế, tài chính phải có trình độ đại học (cao đẳng hoặc trung cấp đối với các dự án nhóm C ở vùng sâu, vùng xa) thuộc chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực phụ trách và có kinh nghiệm làm việc chuyên môn tối thiểu là 03 năm. Người phụ trách kỹ thuật và những người làm công tác giám sát thi công phải có chứng chỉ hành nghề;

d) Ban QLDA được phép thuê tổ chức, cá nhân tư vấn đủ điều kiện, năng lực, có giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề theo quy định để tham gia quản lý, giám sát một số phần việc mà Ban QLDA không đủ điều kiện, năng lực để tự thực hiện và phải được chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

2. Điều kiện, năng lực của Giám đốc tư vấn quản lý dự án và của tổ chức tư vấn quản lý dự án thực hiện theo Điều 55, Điều 56 của Nghị định số 16/2005/NĐ - CP, các Phó Giám đốc và những người phụ trách chuyên môn nghiệp vụ phải có trình độ đại học thuộc các chuyên ngành phù hợp và có thời gian làm việc chuyên môn tối thiểu 03 năm.

3. Giám đốc tư vấn quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng công trình chỉ được đảm nhận một công việc theo chức danh trong cùng một thời gian.

Chương IV QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 22. Phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai và có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra chất lượng công trình xây dựng;

a) Theo dõi tổng hợp và báo cáo tình hình quản lý chất lượng các công trình xây dựng của các Bộ, ngành, các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Tổ chức thực hiện việc giám định chất lượng các công trình trên địa bàn toàn tỉnh;

c) Chủ trì phối hợp với các sở có xây dựng chuyên ngành hướng dẫn quản lý chất lượng công trình xây dựng;

d) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết các khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì phối hợp với các ngành giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở có xây dựng chuyên ngành chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành và có trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình xây dựng thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

3. Phòng Hạ tầng - Kinh tế các huyện, Phòng Quản lý đô thị thành phố Lào Cai giúp UBND cùng cấp kiểm tra, quản lý chất lượng các công trình xây dựng cấp IV, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn thuộc phạm vi địa giới hành chính của địa phương mình quản lý;

Thanh tra, Kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý các vi phạm trong hoạt động xây dựng trên địa bàn quản lý.

4. UBND các huyện, thành phố Lào Cai và các chủ đầu tư có công trình xây dựng phải thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ 06 tháng, cả năm về chất lượng công trình xây dựng về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

5. Trước khi khởi công công trình, chủ đầu tư phải gửi hồ sơ thiết kế, dự toán đã được duyệt về Sở Xây dựng để kiểm tra, theo dõi, đối chiếu.

Điều 23. Giám sát của nhân dân về chất lượng công trình xây dựng

1. Chủ đầu tư phải treo biển báo tại công trường thi công ở vị trí dễ nhìn, dễ đọc để tạo điều kiện cho nhân dân giám sát.

2. Nội dung biển báo bao gồm: Tên và địa chỉ liên lạc, số điện thoại của chủ đầu tư xây dựng công trình, đơn vị thi công, Chỉ huy Trưởng công trường, của tổ chức hoặc người giám sát thi công xây dựng công trình, tổ chức tư vấn và Chủ nhiệm thiết kế công trình, tổng vốn đầu tư, ngày khởi công, ngày hoàn thành công trình.

3. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện hành vi vi phạm chất lượng công trình xây dựng thì phải phản ánh kịp thời với Chủ đầu tư, UBND xã, phường, thị trấn nơi đặt công trình xây dựng hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý Nhà nước về xây dựng.

4. Người tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân có trách nhiệm xem xét, xử lý kịp thời và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản ánh.

Điều 24. Khảo sát xây dựng và quản lý phòng Las - XD

1. Công tác khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát hiện trạng công trình và các công việc khảo sát khác phục vụ cho hoạt động xây dựng phải được thực hiện theo nhiệm vụ khảo sát do nhà thầu thiết kế hoặc nhà thầu khảo sát lập và đã được chủ đầu tư phê duyệt;

Kết quả khảo sát xây dựng phải được đánh giá nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 209/2004/NĐ - CP.

2. Chủ đầu tư phải thực hiện giám sát công tác khảo sát xây dựng thường xuyên, có hệ thống từ khi bắt đầu khảo sát đến khi hoàn thành công việc. Trường hợp không đủ điều kiện năng lực để giám sát thì phải thuê tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng.

3. Chủ đầu tư và nhà thầu khảo sát chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nghiệm thu và kết quả khảo sát xây dựng.

4. Phòng thí nghiệm chỉ được thực hiện các phép thử có trong danh mục được chỉ định trong Quyết định công nhận phòng thí nghiệm Las - XD của Bộ Xây dựng, kết quả đó là cơ sở để phục vụ cho thiết kế và đánh giá chất lượng sản phẩm đưa vào công trình xây dựng.

5. Phòng Las - XD được hoạt động tại Lào Cai phải có phòng thí nghiệm hợp chuẩn đặt tại Lào Cai.

Chương V THANH TRA - KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 25. Thanh tra - Kiểm tra

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các ngành chức năng, UBND các huyện, thành phố tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai và báo cáo UBND tỉnh kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng.

2. Các sở có xây dựng chuyên ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực quản lý của ngành phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Kịp thời báo cáo, chuyển cơ quan chức năng xử lý những vi phạm vượt quá thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Xử lý vi phạm

Các cơ quan Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng có hành vi vi phạm thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại phải bồi thường.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Xử lý chuyển tiếp

1. Xử lý chuyển tiếp về lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình:

a) Các Dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được thẩm định, phê duyệt trước ngày quyết định này có hiệu lực thì không phải thẩm định, phê duyệt lại;

b) Các dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật chưa được thẩm định thì phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định này.

2. Xử lý cấp giấy phép xây dựng:

a) Các công trình đã được quyết định đầu tư trước ngày quyết định này có hiệu lực, đã được khởi công xây dựng và thuộc đối tượng không phải xin cấp phép xây dựng theo quy định của Quyết định số 08/2006/QĐ - UBND ngày 10/02/2006 thì không phải xin cấp phép xây dựng;

b) Các công trình đã được quyết định đầu tư trước ngày quyết định này có hiệu lực nhưng chưa khởi công xây dựng và thuộc đối tượng không phải xin cấp phép xây dựng theo quy định của Quyết định số 08/2006/QĐ - UBND ngày 10/02/2006 thì phải xin cấp phép xây dựng theo quy định này.

3. Xử lý chuyển tiếp về tổ chức quản lý dự án:

a) Chuyển chủ đầu tư để quản lý các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đã được giao kế hoạch thực hiện năm 2007 theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 của quy định này, đối với các dự án chưa khởi công hoặc các dự án thực hiện dở dang không thể hoàn thành bàn giao sử dụng và thanh quyết toán dứt điểm trong năm 2007;

b) Giao cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các ngành, các chủ đầu tư rà soát, kiểm tra việc giao chủ đầu tư xây dựng công trình và khởi lương thực hiện các dự án trong kế hoạch năm 2007, đề xuất phương án chuyển chủ đầu tư theo đúng quy định của pháp luật, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/7/2007;

c) Giao cho Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND các huyện, thành phố nghiên cứu đề xuất với UBND tỉnh phương án chuyển đổi các Ban QLDA đang hoạt động chuyên trách của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện theo quy định Khoản 2; Mục III; Phần IV của Thông tư số 02/2007/TT - BXD ngày 14 tháng 2 năm 2007 hoặc chuyển đổi thành các tổ chức tư vấn quản lý dự án hoạt động chuyên nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/7/2007.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra công tác thẩm định đồ án quy hoạch, cung cấp thông tin về quy

hoạch, cấp phép xây dựng công trình, thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định, thẩm tra thiết kế kỹ thuật - dự toán, quản lý chất lượng công trình, thanh tra xây dựng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, kiểm tra công tác lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, công tác đấu thầu, chỉ thầu.

3. Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc tạm ứng, thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

4. Mỗi huyện, thành phố phải cử đích danh 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện, thành phố kiểm tra đôn đốc việc thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
(đã ký)
Nguyễn Hữu Vạn**